

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 02 tháng 11 năm 2016

HỢP ĐỒNG

Số: 01/ĐN/2016/ĐHV-NET

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày 02 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số **1309** /QĐ-ĐHV ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Lắp đặt hệ thống mạng, camera nhà đa chức năng của Trường Đại học Vinh và và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học Vinh;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383.856700 Fax: 0383.855269

Tài khoản số: 3713.1.1055499 tại kho bạc Nhà nước Nghệ An

Mã số thuế: 2900466502

Đại diện là ông: Đinh Xuân Khoa

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH máy tính NÉT

Địa chỉ: 46A, ngõ 120 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 043.5737747.

Tài khoản: 11110131000016 – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-
Chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế: 0100945911.

Đại diện là ông: Ngạc An Dương

Chức vụ: Phó giám đốc

Giấy ủy quyền số 010116 của Giám đốc công ty TNHH Máy tính NÉT, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ đề xuất;
5. Hồ sơ yêu cầu.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng ;

- Chuẩn bị mặt bằng cho bên B thực hiện lắp đặt thiết bị;

- Cử nhân sự tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;

- Xem xét và trả lời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến việc lắp đặt thiết bị của Bên B trong vòng 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên A không trả lời thì coi như Bên A chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên B.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng ;

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng để thực hiện lắp đặt thiết bị;

- Quản lý người lao động trong quá trình lắp đặt thiết bị, đảm bảo an toàn lao động.

- Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A (nếu có) trong thời gian 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên B không trả lời thì coi như chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: : **2.499.231.790** đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi đồng chẵn*)

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.

c) Số lần thanh toán: 02 lần.

- Lần 1: Bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền là: 749.770.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Lần 2: Bên A thanh toán số tiền còn lại trong vòng 10 ngày sau khi bên B cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, biên bản thanh lý hợp đồng, bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), bản gốc giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) của nhà sản xuất, hoá đơn tài chính theo quy định của Nhà nước, bảo lãnh bảo hành.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 75 ngày.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể thực hiện trong trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của ngân hàng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 75 ngày kể từ ngày phát hành bảo lãnh.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu không muộn hơn 15 ngày kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đầy đủ, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng, tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Bên B phải đảm bảo hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100% chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn sản xuất và không có khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình Bên A sử dụng thiết bị.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: hàng hóa, bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), bản gốc giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) của nhà sản xuất, các tài liệu đi kèm hàng hóa, chứng nhận kiểm nghiệm hàng hóa, hoá đơn tài chính theo quy định của Nhà nước, bảo lãnh bảo hành.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B phải chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển hàng hóa đến Trường Đại học Vinh đảm bảo an toàn.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trước khi lắp đặt để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

Cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu: Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

- Bên B có trách nhiệm bảo hành 12 tháng đối với tất cả các hàng hóa được cung cấp kể từ ngày bàn giao nghiệm thu, ngoài ra bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành với giá trị 03% giá trị hợp đồng. Thời gian tạm giữ bảo lãnh bảo hành cho đến khi hết hạn bảo hành thiết bị cuối cùng trong hợp đồng. Bảo lãnh này được giải toả khi có công văn của bên A.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư.

- Chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật do bên B chịu. Nếu hư hỏng do lỗi của bên A, thì bên B vẫn có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa nhưng chi phí do bên A chịu.

- Địa điểm bảo hành: tại nơi sử dụng của Chủ đầu tư.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An.

Phán quyết của Toà án Nhân dân tỉnh Nghệ An buộc các bên phải tuân thủ thực hiện, mọi chi phí do bên thua chịu.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2016.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau. ✓

ĐẠI DIỆN BÊN A

HIỆU TRƯỞNG ✓



Đinh Xuân Khoa

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngọc An Dương